

## THANH LONG TỰ QUỸ KÝ

Phan Việt dịch: HUYỀN THANH

Trước tiên Du Già Giả thường có thể trụ vào **Bản Tôn Quán**, đi bộ thì nên quán tưởng đạp trên hoa sen mà trụ.

Tiếp đến cửa Tinh Xá thì búng tay, xung ba lần **Hồng** (紅\_HŪM). Mắt bên phải quán chữ **Ma** (馬\_MA), mắt bên trái quán chữ **Tra** (𠂔\_T). MA là mặt trời, TRA là mặt trăng. Vào nhà thì nhìn ngó. Đây thành năm lợi ích là:

- 1\_ Chư Phật vui vẻ
- 2\_ Khử dơ
- 3\_ Quang hiển (hiện ánh sáng)
- 4\_ Tịch Trừ
- 5\_ Kết Giới

Tiếp tay trái nắm Kim Cương Quyển để ngang trái tim, dựng Phong Luân (ngón trỏ). Tay phải cũng như vậy. Trên đỉnh đầu xoay chuyển theo 2 phía trái phải, chỉ lên phương trên với cõil bên dưới (Hạ Giới) đều tụng **Hồng Tự Minh** (紅\_HŪM).

Tiếp nhiều quanh 3 vòng lễ Phật

Tiếp bày tỏ lời **Sám Hối** (Con từ đời quá khứ .V.V...)

Tiếp ngồi xuống cũng lễ Phật

Tiếp **Tịnh ba Nghiệp** (Hư Tâm Hợp Chưởng, gia thêm chữ HŪM (紅)). Ba Nghiệp ấn 4 nơi kèm ba Bộ, Bị Giáp... đồng kết dùng)

Tiếp gia trì vào nước thơm rưới vẩy cho trong sạch (dùng Tam Cổ Ấn)

Tiếp **Thần Phần Phúng Tụng**

Tiếp **Khải Bạch gia hộ Chí** (Kính bạch Phật ba đời ở phương trên v.v... như Nghi Quỹ ghi chú)

Tiếp **Kính Giác Phật Ấn** (Hỏa Du Ấn đồng với Kim Cương Giới)

Tiếp xưng **lễ 9 Phương Tiện** (như văn). Nếu có Tâm tán loạn thì tụng Kinh Diển Đại Thừa

Tiếp **Bốn Vô Lượng** (như thường)

Tiếp **Thắng Tâm Chân Ngôn** (dùng Kim Cương Hợp Chưởng)

Tiếp **Kim Cương Luân** (như thường)

Tiếp **Địa Giới**

Tiếp **Tứ Phương Giới**

Tiếp thân tùy chỗ ngồi tương ứng, quán trong Tâm

Mới đầu là **A Tự Luân** (𠂔) có 9 lớp vây quanh là các vòng tròn trống rỗng màu trắng

Tiếp **Nhập Phật Tam Muội Gia** (Ấn lên vàng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng. Ba lần chuyển ở Điện Môn)

Tiếp **Pháp Giới Sinh** (Hỏa Luân Ấn như Quỹ)

Tiếp **Chuyển Pháp Luân Ấn** (Phong Luân Ấn) ba lần trên vàng trắng, thuận chuyển ấn 5 nơi tường chuyển bánh xe Pháp ba ngàn cõil)

Tiếp **Hoàn Giáp** (tác Ấn xong, đầu Hữu Phong (đầu ngón trỏ phải) tường chữ **Án** (𠂔\_OM) đầu Tả Phong (đầu ngón trỏ trái) tường chữ **Châm** (𠂔\_TUM) lên trên trái tim cột ràng 3 lần, sau lưng cũng cột ràng giống hệt, lỗ rốn 3 lần, đùi phải một lần, gối phải một lần, bên trái cũng giống hệt. Lỗ rốn 3 lần, eo lưng 3 lần, trái tim cho đến

hai vai đều cột ràng một lần, cô hống một lần, sau cô một lần, vầng trán 3 lần, sau não (ót) 3 lần, trên 2 lỗ tai tác thể kết tóc)

Tiếp trụ **Nhập Định Quán** (Hiệu là **Kế Minh Châu**) dùng chữ **La** ( 𣎵\_RA) màu trắng tinh đặt ở trên đỉnh đầu để diệt trừ tội dơ, viên mãn Phước Tuệ.

Tiếp **Vô Năng Kham Nhân Minh Ấn** (Hư Tâm Hợp Chưởng, duỗi bung 2 Thủy (2 ngón vô danh) chuyển thuận nghịch 3 lần, gia trì 4 nơi)

Tiếp **Kính Phát Địa Thần** (Ấn Chân Ngôn như Quỹ)

Tiếp **Địa Thần Trì**

Thứ tự **Chân Ngôn** (như Quỹ)

Tiếp tác **Đàn Chân Ngôn** (Như Lai Quyền Ấn, chuyển 3 lần gia trì Đàn)

Tiếp **Sái Tịnh Chân Ngôn** (Ấn như Quỹ)

Tiếp bạch **Địa Thần Kệ** (bung lò hương tụng Kệ. Chư Phật Từ Mẫn đẳng...v.v...)

Tiếp **Thỉnh Địa Thiên** (Bát Ấn, Phong (ngón trỏ) tùy theo lời chuyển mời 3 lần)

Tiếp **Trì Địa Chân Ngôn** (Ấn như Quỹ)

Tiếp **Bi Sinh Mạn Đồ La** (ngồi Kiết Già, Ở trước mặt cách khoảng một khuỷu tay, trên hoa sen trắng quán chữ 𣎵 (RAM) là Trí Hỏa (lửa Trí) thiêu đốt các phiền não với vật khí cho trong sạch)

Tiếp an lập **5 chữ**

Tiếp quán **Bách Quang Biến Chiếu 𣎵** (AM) trong đầu

Tiếp đặt câu **Vô Sinh 𣎵** (A) ở trái tim

Tiếp ở lòng ngực biểu thị chữ **Lìa nhiễm 𣎵** (RAM)

Tiếp tác **Hỏa Luân Ấn** (Ấn Tâm chuyển 3 lần. Tiếp theo ngựa Ấn chuyển trên không 3 lần liền buông Ấn trước thân)

Tiếp tác **Địa Luân Ấn** tụng Chân Ngôn đặt giữa 2 đầu gối **Thủy, Hỏa, Phong, Không** như thứ tự đặt ở các chỗ (**Địa Thủy** ấn phía trước hướng xuống dưới. **Hỏa Phong Không** ở phía trước hướng lên trên. Tướng của Ấn như thường)

Tiếp **Kim Cương Hợp Chưởng** ngang trái tim tụng câu **Mãn Túc** (5 chữ)

Tiếp an lập **Khí Thế Gian** tướng **Không Luân** ở cõi dưới với lượng vô lượng. **Phong Hỏa Thủy** như thứ tự tác dụng (đầu Ấn đều hướng xuống dưới)

Tiếp trụ **Định An** quán chữ 𣎵 (VI) trên Địa Luân thành biển cả. Chữ 𣎵 (HŪM) trong biển thành chày Ngũ Trí, chữ Ác 𣎵 (AH) trên cái chày thành Yết Ma, chữ 𣎵 (HRĪH) trên Yết Ma thành hoa sen tám cánh có 2 vị Long Vương của nhóm Nan Đà phò hai bên trái phải hoa sen

Tiếp **Đại Hải Ấn Chân Ngôn** (như Quỹ)

Tiếp **Kim Cương Thủ** cầm hoa (Nội Phộc Ngũ Cỏ)

Tiếp **Đại Chân Ngôn Vương** (dùng Yết Ma Ấn)

Tiếp **Bát Diệp Liên Hoa Ấn** (ngay bên trên trong Ngũ Luân Khế)

Tiếp **Sư Tử Tòa Ấn** (Khẩu truyền: **Quy mệnh, A giả la vi lệ**)

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ACALA VĪRE

Tiếp trên đài hoa sen có chữ 𣎵 (AH) biến thành cung điện rộng lớn đầy đủ thêm bậc do bảy báu tạo thành. Như Quỹ quán đầy đủ)

Tiếp **Hư Không Tạng Chân Ngôn**

Tiếp **Đại Luân Đàn Ấn** (Tiểu Kim Cương Luân Ấn vậy)

Tiếp bày mọi hình sắc với **Giới Đạo Ấn**. Ngoại Phộc, 5 chủng tử trang phục v.v... 𣎵 (RA) 𣎵 (LAM) 𣎵 (KA) 𣎵 (MA) 𣎵 (HA) như thứ tự mang màu trắng, màu đỏ, màu vàng, màu xanh, màu đen biểu thị cho **Tín, Tiến, Niệm, Định, Tuệ** Sau đó

tụng **chủng tử** của 5 màu, chuyển hồi Ấn 5 Độ (thành 5 màu từ bên trong lộ ra bên ngoài như thứ tự)

Tiếp tụng **Năng mặc tam mãn đa một đà nam\_ Hồng** 𑖀 [NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ HŪM] Lại chuyển một lần (thành **Kim Cương Xử Giới Đạo**)

Tiếp trụ **Định Ấn** quán chủng tử của các Tôn bên trong **Trung Thai** ấy, mỗi mỗi an bày rõ ràng. Trước hết tướng **Viên Quang Đại Sư Tử Toà** với tám cánh , trên tòa có vành trắng trong sạch toả sáng khắp, trong đó đặt chữ 𑖀 (AḤ) chuyển thành **Đại Nhật Mẫu Ni** thanh tịnh lìa các dơ , hình sắc màu nhiệm vượt hơn ba cõi v.v...

Dùng **Bát Diệp Mạn Đà La** với quyển thuộc tự vây quanh. Tám cánh sen trong vành trắng có chữ 𑖀 (A) 𑖀 (Ā) 𑖀 (AM) 𑖀 (AḤ) biến thành 4 vị Phật **Bảo Tràng, Khai Phu Hoa Vương, A Di Đà, Cổ Am** . Bốn góc trong vành trắng thanh tịnh có chữ **Am, A, Một, Du** [𑖀(AM) 𑖀(A) 𑖀(BU) 𑖀(BO)] biến thành 4 vị Bồ Tát **Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Di Lặc** với hình sắc trang nghiêm, diện mạo, Thủ Ấn, Tiêu Xí v.v.. đều như Nghi Quỹ , mỗi mỗi chủng tử, mỗi mỗi Tôn với màu sắc, mỗi mỗi hình tướng , mỗi mỗi Tam Muội Gia đều quán như Pháp đùng để thiếu sót

Nếu chẳng thể quán nổi thì quán chữ 𑖀 (AḤ) ở **Trung Đài** thành hào quang phóng tỏa ánh màu vàng chiếu khắp ba Trùng Viện. **A Tự Môn** biến thành chủng tử của các Tôn, biến thành các sắc tướng. Như vậy quán xong

Giới này còn Viện thứ mười ba

Vành trắng trong sạch toả sáng khắp giúp cho Chính thọ thân tương ứng. Dùng **Bát Diệp Mạn Đà La** với quyển thuộc vây quanh .... Giúp cho minh chính được **Trung Đài Tạng** vậy

Tiếp **Biển Tri ấn** ở phương Đông gọi là Hội thứ hai

**Quán Tự Tại** ở phương Bắc chính là Hội thứ ba

Phương Nam đề **Kim Cương Thủ** ấy là Hội thứ tư

Y theo phương Niết Lợi Đề (phương Tây Nam) có **Bất Động Như Lai Sư**, Phương Phong (phương Tây Bắc) có **Thắng Tam Thế** chính là Hội thứ Năm

Bốn **Đại Hộ** ở bốn phương sẽ là Hội thứ sáu

Cửa đầu **Thích Ca Văn** chính là Hội thứ bảy

Thứ ba **Diệu Cát Tường** sẽ ứng với Hội thứ tám

**Trừ Cái Chướng** ở phương Nam tức là Hội thứ chín

**Địa Tạng Tôn** ở Thắng phương (phương Bắc) là Hội thứ mười

**Hư Không Tạng** ở Long Phương (phương Tây) là Hội thứ mười một

**Tô Tát Địa Quyển Thuộc** là Hội thứ mười hai

**Hộ Thế Uy Đức Thiên** gọi là Hội thứ mười ba

Thứ tự sẽ phân bày (Trung Sơ)

**Tiếp Bảo Quan** nâng Thủ ấn (Ngoại Ngũ đặt trên đỉnh đầu, vàng trán , tụng **Quy mệnh 5 chủng A**)

Tiếp **Giáp Trụ Ấn** phân từ vàng trán, mỗi lớp 3 Quy Mệnh

Tụng 28 chữ của nhóm **Ca** ( 𑖀 \_ KĀ) từ từ nhiều quanh hướng theo Ngọc Châm, cổ họng, trái tim, lỗ rốn....

Như thứ tự quán 𑖀 (KĀ) 𑖀 (KAM) 𑖀(KAḤ) [**Ác Sát La** trong 84 chữ của nhóm ấy đều dùng Ấn bên trên]

Tiếp 36 chữ của nhóm **Y** [ 𑖀(Y)]. Dùng Ấn trước nhiều quanh rốn

Tiếp **Phổ Thông Ấn** để ngang trái tim tụng **Phương Tiện Nhị Luân** là 2 chủng luân 𑖀 (KAḤ) 𑖂 (KĀM) gia lỗ mũi đều có 34 chữ làm Thân Quang (hào quang của Thân)

Tiếp **Liên Hoa Bộ Đẳng Luân** như **Phật Bộ Luân**

Phạm 3 lớp Mạn Đà La trụ ở ngay trên thân v.v...

Tiếp **Bổ Tự** (an bày chữ) **Định Ấn** bày 32 chữ (riêng biệt)

Tiếp **Phổ Ấn** để ngang trái tim tụng 4 loại Chân Ngôn của **Bồ Đề Tâm Tam Muội, Bồ Đề Hạnh Phát Tuệ, Thành Bồ Đề Bồ Khuyết, Tịch Tĩnh Niết Bàn** ..v.v...

Tiếp trụ **Định Ấn** quán Nội Tâm Mạn Đà La (tại Bản Ký)

Tiếp **Đại Chân Ngôn Vương Pháp Giới Bình Đẳng Quán** phối trí với 12 chữ, lại đồng với 12 Nhân Duyên

**Tiếp Bí Mật Bát Ấn**

**Tiếp Mãn Túc Trí Trí Ấn**

Tiếp **Vô Sở Bất Chí** (truyền miệng)

Tiếp **Bách Quang Biến Chiếu** (trụ **Định Ấn**, an bày chữ như văn. **Phổ Ấn** v.v...)

Tiếp **Nhất Thiết Phật Tâm** (dùng Kim Cương Chướng Ấn)

Tiếp **Ưu Lô Tần Loa Ca Diệp, Già Gia Ca Diệp** (dùng Phạm Khiếp Ấn, Thanh Văn Chân Ngôn)

**Tiếp Hư Không Nhân Minh Phi**

Tiếp **Thất Câu Chi Phật Mẫu** [Ấn ấy là: Định Tuệ (2 tay) cài chéo các ngón bên trong, dựng đứng 2 Hỏa (2 ngón giữa) hợp đầu ngón, Phong (ngón trỏ) dính bên cạnh lóng trên của Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) đều dính bên cạnh Phong (ngón trỏ)]. Chân Ngôn là

**Năng mặc tát phộc một đà mạo địa tát đất phộc nam\_ Đất nễ dã tha: Ấn, tả lệ, tô lệ, chuẩn chi, sa-phộc hạ**

\*)NAMAḤ SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVĀNĀM \_TADYATHĀ: OM CALE CULE CUNḌHE SVĀHĀ

Tiếp **Đại Dũng Mãnh Bồ Tát** (dùng Phổ Thông Ấn) . Chân Ngôn là:

**Năng mặc tam mãn đà một đà nam. A lợi gia ma hạ vĩ la, sa-phộc hạ**

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ OM ĀRYA MAHĀVĪRA SVĀHĀ

Tiếp **Đại Lạc Kim Cương Tát Đỏa** (dùng Phổ Thông Ấn). Chân Ngôn là

**Năng mặc tam mãn đà một đà nam. Phộc nhật la ngu gia, tam ma gia, tát đất noan**

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VAJRA-GUHYA-SAMAYA STVAM

Tiếp **Nhất Thiết Chư Bồ Tát** (Phổ Thông Ấn)

Tiếp **Quán Tự Tại Bồ Tát**

Tiếp **Đa La Bồ Tát Ấn**

Tiếp **Tỳ Câu Chi Ấn**

Tiếp **Đại Thế Chí**

Tiếp **Gia Du Đà La Ấn**

Tiếp **Bạch Xứ Tôn Ấn**

Tiếp **Mã Đầu Ấn**

Tiếp **Chư Bồ Tát Sở Thuyết Ấn** (Phổ Thông Ấn. Chân Ngôn ở bên dưới)

Tiếp **Địa Tạng Bồ Tát**

Tiếp **Chư Phụng Giáo Giả** (Phổ Thông Ấn)

Tiếp **Kim Cương Thủ Ấn**

Tiếp **Mang Mãng Kê**  
Tiếp **Kim Cương Châm**  
Tiếp **Kim Cương Thương Yết La Ấn**  
Tiếp **Phân Nộ Nguyệt Yếm Tôn**  
Tiếp **Chư Kim Cương (Trì Địa Ấn)**  
Tiếp **Kim Cương Quyên**  
Tiếp **Nhất Thiết Trì Kim Cương**  
Tiếp **Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát**  
Tiếp **Bất Động Minh Vương**  
Tiếp **Thắng Tam Thế Ấn (Nội Ngũ Cổ)**  
Tiếp **Hàng Tam Thế Ấn (Chân Ngôn như thường)**  
Tiếp **Đại Uy Đức Minh Vương Ấn (Căn Bản Ấn như thường)**  
Tiếp **bốn Đại Hộ (ngay bên dưới)**  
Tiếp **cửa đầu Thích Ca Văn Ấn**  
Tiếp **Năng Tịch Mẫu Ấn**  
Tiếp **Hào Tướng Ấn**  
Tiếp **Nhất Thiết Phật Đỉnh (như Quỳ)**  
Tiếp **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (như Quỳ)**  
Tiếp **Thắng Phật Đỉnh**  
Tiếp **Tối Thắng Phật Đỉnh Ấn**  
Tiếp **Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn**  
Tiếp **Xả Trừ Phật Đỉnh Ấn**  
Tiếp **Quảng Sinh Phật Đỉnh Ấn**  
Tiếp **Phát Sinh Phật Đỉnh Ấn**  
Tiếp **Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh Ấn**  
Tiếp **Thanh Văn Chúng (Phạm Khiếp Ấn)**  
Tiếp **Duyên Giác Chúng**  
Tiếp **Vô Năng Thắng Ấn**  
Tiếp **Phi Ấn**  
Tiếp **Văn Thù Ấn (như Quỳ)**  
Tiếp **Quang Vãng Bồ Tát**  
Tiếp **Vô Cầu Quang Ấn**  
Tiếp **Kế Thiết Nễ**  
Tiếp **Ô Ba Kế Thiết Nễ**  
Tiếp **Địa Tuệ Bồ Tát**  
Tiếp **Chất Đất La Đồng Tử**  
Tiếp **Triệu Thỉnh Đồng Tử**  
Tiếp **năm Phụng Giáo (đều có tên là **Bất Tư Nghị Đồng Tử**)**  
Tiếp **phương Nam Trừ Cái Chương Ấn (như Quỳ)**  
Tiếp **Trừ Nghi Quái Ấn**  
Tiếp **Thí Vô Úy Bồ Tát**  
Tiếp **Trừ Ac Thú**  
Tiếp **Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát**  
Tiếp **Đại Từ Sinh Bồ Tát**  
Tiếp **Bi Thí Nhuận**  
Tiếp **trừ Nhiệt Não Bồ Tát**  
Tiếp **Bất Tư Nghị Tuệ**  
Tiếp **Thắng Phương (phương Bắc) Địa Tạng Tôn**

Tiếp **Bảo Xứ Bồ Tát**  
 Tiếp **Bảo Chưởng Bồ Tát**  
 Tiếp **Trì Địa Bồ Tát**  
 Tiếp **Bảo An Thủ Bồ Tát**  
 Tiếp **Kiên Cố Ý Bồ Tát**  
 Tiếp Long Phương (phương Tây) **Hư Không Tạng**  
 Tiếp bên trái Hư Không Tạng là **Đàn Ba La Mật Bồ Tát**  
 Tiếp **Giới Ba La Mật**  
 Tiếp **Nhẫn Ba La Mật**  
 Tiếp **Tinh Tiến Ba La Mật**  
 Tiếp **Thiền Ba La Mật**  
 Tiếp bên phải Hư Không Tạng là **Bát Nhã Ba La Mật**  
 Tiếp **Phương Tiện Ba La Mật**  
 Tiếp **Nguyện Ba La Mật**  
 Tiếp **Lực Ba La Mật**  
 Tiếp **Trí Ba La Mật**  
 Tiếp **Hư Không Vô Cấu**  
 Tiếp **Hư Không Tuệ**  
 Tiếp **Liên Hoa Ấn Bồ Tát**  
 Tiếp **Thanh Tịnh Tuệ**  
 Tiếp **Hành Tuệ**  
 Tiếp **An Trụ Tuệ**  
 Tiếp **Xuất Hiện Trí** (Diệu Thành Tựu Bồ Tát vậy)  
 Tiếp **Chấp Liên Hoa Xử** (Nội Ngũ, Bát Không Khó Bồ Tát vậy)  
**Quy mệnh, phộc nhật la, sa-phộc hạ**  
 \*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ VAJRA SVĀHĀ  
 Tiếp **Tự Tại Thiên Ấn**  
 Tiếp **Phổ Hoa Thiên Ấn**  
 Tiếp **Quang Man Thiên**  
 Tiếp **Mãn Ý Thiên**  
 Tiếp **Biến Âm Thiên**  
 Tiếp **Y Xá Na Thiên**  
 Tiếp **Chư Bộ Đá**  
 Tiếp phương Đông **Đế Thích**  
 Tiếp **Trì Quốc Thiên Ấn**  
 Tiếp **Nhật Thiên**  
 Tiếp **Ma Lợi Chi Thiên**  
**Tiếp Xã Gia Tỳ Xã Gia** (Nhật Thiên Tử Hậu) **Chân Ngôn** là  
**Quy mệnh, ma ha nga đà bà đa, sa phộc hạ**  
 \*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ MAHĀ-GAṆAPATAYE SVĀHĀ  
 Tiếp **Cửu Chấp**  
 Tiếp **Phạm Thiên**  
 Tiếp **Minh Phi Ấn**  
 Tiếp **Càn Thát Bà Ấn**  
**Tiếp Chư A Tu La**  
 Tiếp **Ma Hầu La Già**  
 Tiếp **Chư Khẩn Na La**  
 Tiếp **Hỏa Thiên**

Tiếp **Hậu**  
Tiếp **Phộc Tư Tiên**  
Tiếp **A Diệt Lý Tiên**  
Tiếp **Kiên Đáp Ma Tiên**  
Tiếp **Nghiệt Lật Già Tiên**  
Tiếp **phương Nam Tăng Trưởng Thiên Vương**  
Tiếp **Diêm Ma Vương Đàn Noa Ấn**  
Tiếp **Tử Vương**  
Tiếp **Diêm Ma Thất Mẫu Ấn**  
Tiếp **Ám Dạ**  
Tiếp **Diêm Ma Hậu**  
Tiếp **Phụng Giáo Phán Quan**  
Tiếp **Noa Cát Ni**  
Tiếp **Ca Lô La Vương**  
Tiếp **phương Tây Nam Đế Lý Đế Vương**  
Tiếp **La Sát Tư**  
Tiếp **Tướng Huynh** [Phổ Ấn “Quy mệnh, ca la ca nhĩ sa phộc hạ” (NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_KRA KARE SVĀHĀ)]  
Tiếp **La Sát Chúng**  
Tiếp **phương Tây Tỳ Lưu Bác Xá Thiên Vương**  
Tiếp **Thủy Thiên**  
Tiếp **Nan Đà Bạt Nan Đà**  
Tiếp **Chư Long**  
Tiếp **Địa Thần**  
Tiếp **Diệu Âm Thiên**  
Tiếp **Na La Diên**  
Tiếp **Hậu**  
Tiếp **Giá Văn Trà**  
Tiếp **Nguyệt Thiên**  
Tiếp **28 Tú**  
Tiếp **Ma Hê Thủ La Thiên**  
Tiếp **Ô Ma Phi**  
Tiếp **phương Phộc Dữu (Phương Tây Bắc) Phong Thiên**  
Tiếp **phương Bắc Tỳ Sa Môn Thiên**  
Tiếp **Chư Dược Xoa**  
Tiếp **Chư Dược Xoa Nữ**  
Tiếp **Chư Tỳ Xá Già**  
Tiếp **Chư Tỳ Xá Chi**  
Tiếp **Chư Nhân**  
Tiếp **Thỉnh Chư Thiên**  
Tiếp **Phổ Thế Minh Phi**  
Tiếp **cửa cửa hai Thủ Hộ Bất Khả Việt Thủ Hộ**  
Tiếp **Tương Hương Thủ Hộ**  
Tiếp **Tĩnh Trị**  
Tiếp **Bất Động Kiểm ấn** (Tịch Trừ Kết Giới, ấn 5 chỗ trên thân)  
Tiếp **Câu, Sách, Tỏa Linh**  
Tiếp **đứng thẳng Ca Lô La Diêm** (Quy mệnh Hỏa Luân Ấn)

Tiếp lại **Kiểm Ấn** trừ khiên Tòng Ma kết Thập Phương Hộ Thân (Thánh Bất Động Ấn Minh vậy)

Tiếp **Nhập Phật Tam Muội Gia**

Tiếp **Hư Không Vãng**

Tiếp **Hòa Viên**

Tiếp lắc chuông. Tay phải cầm cái chày để ở eo lưng. Tay trái cầm cái chuông để ở eo lưng (chẳng được phát ra tiếng) từ từ lắc chuông ở giữa eo, từ bên ngoài hướng về cái miệng để tự khoa

Tiếp rút ném chùy 3 lần để Tịch Trừ Kết Giới, ấn vào 5 nơi, sau đó an trên trái tim

Tiếp nâng cái chuông lên ngang vai, bên cạnh lỗ tai lắc 5 lần. Tiếp ở trước ngực, trên trán đều lắc 2 lần. Tiếp dùng chày ấn 5 nơi trên thân, sau đó để lại chỗ cũ (bản sở)

Tiếp **Tứ Trí Tán**

Tiếp **Át Già** (Thương Khư Ấn)

Tiếp **Hoa Tòa**

Tiếp **Bất Động Thị Tòa**

Tiếp **Định Ấn**

Tiếp **Hoàn Giáp**

Tiếp **Bố Ma**

Tiếp **Đại Giới**

Tiếp 4 phương 4 **Đại Hộ** (Đông, Bắc, Tây, Nam như Quỳ)

Tiếp **Môn Môn Nhị Thủ Hộ Ấn**

Tiếp **Bất Động Kiểm Ấn**

Tiếp **Đồ Hương**

Tiếp **Hoa Man Ấn**

Tiếp **Thiên Hương**

Tiếp **Âm Thực**

Tiếp **Đăng Minh**

Tiếp **Hư Không Tạng Chuyển Minh Phi**

Tiếp **Gia Cú** \_ Dùng sức Công Đức Ta.. v.v..

Tiếp **Tán** (Tâm lược)

Tiếp **Lễ Phật**

Tiếp **Kính Tạ Ngôn** (mọi loại hương hoa v.v...)

Tiếp **Tam Muội Gia, Pháp Giới Sinh, Tát Đỏa**

Tiếp **Đại Tuệ Dao**

Tiếp **Pháp Loa**

Tiếp **Kim Cương Tòa**

Tiếp **Kim Cương Đại Tuệ Ấn**

Tiếp **Ma Ha Như Lai Đỉnh**

Tiếp **như Lai Tướng**

Tiếp **Hào Tướng**

Tiếp **Như Lai Tỳ** (Nội Phộc, mở lòng bàn tay Cạnh Phong (ngón trở) dính nhau, Không (ngón cái) vịn lóng dưới của Phong (ngón trở)

**Tỳ Chân Ngôn: “Quy mệnh, án lý nễ, hồng, phát tra, sa phộc hạ”**

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM RIṆI PHAṬ SVĀHĀ

Tiếp **Đại Bất Ấn**

Tiếp **Thí Vô Úy**

Tiếp **Dữ Nguyện**



Tiếp **Như Lai Sách**  
Tiếp **Như Lai Tâm**  
Tiếp **Như Lai Tề**  
Tiếp **Như Lai Yêu**  
Tiếp **Như Lai Tạng**  
Tiếp **Phổ Quang**  
Tiếp **Như Lai Giáp**  
Tiếp **Như Lai Thiệt**  
Tiếp **Như Lai Ngũ**  
Tiếp **Như Lai Nha**  
Tiếp **Như Lai Biện Thuyết**  
Tiếp **Như Lai Thập Lực**  
Tiếp **Như Lai Niệm Xứ**  
Tiếp **Bình Đẳng Khai Ngũ** (?Ngộ)  
Tiếp **Phổ Hiền Như Ý Châu**  
Tiếp **Từ Thị**  
Tiếp **Vô Ngại Lực Minh Phi**  
Tiếp **Vô Năng Hại Lực Minh Phi**  
Tiếp **Gia Trì Niệm Châu** (tràng hạt)

Tiếp **Căn Bản Ấn** (Nội Ngũ v.v...) ngang trái tim quán thân của mình đồng với Bản Tôn. Đinh đầu 𠄎 (AM), Ngực 𠄎 (SA), hai mắt 𠄎 (RAM), trái tim 𠄎 (A). Tụng **Căn Bản Minh** gia trì 4 chỗ

Tiếp Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) cầm tràng hạt cách nhau khoảng hai thốn, ngang vầng trán phát nguyện như Pháp tụng. Niệm Tụng xong thì đặt tràng hạt về chỗ cũ

Tiếp **Định Ấn** quán 5 chữ (nghịch, thuận) Sở thỉnh nhóm 𠄎 (A) 𠄎 (VA) 𠄎 (RA) 𠄎 (HA) 𠄎 (KHA)

Tiếp ra khỏi Định, kết **Căn Bản Ấn**, tụng **Bản Minh** 7 biến gia trì 4 chỗ

Tiếp **Hư Không Nhãn Ấn**

Tiếp **Phổ Ấn** an ở trái tim, nói là:

*Dùng công đã trì này*

*Phó chúc nơi Bộ Mẫu*

*Cho đến khi thành Phật*

*Hộ niệm chẳng tan mất*

Tiếp **5 Cúng Đường Ấn**

Tiếp **Duyệt Ý Già Đà** (Tâm lược tán)

Tiếp **Hư Không Tạng Minh Phi**

Tiếp lắc chuông

Tiếp **Át Già, Phát Nguyện**

Tiếp **Gia Trì Cú** (Phổ Ấn ấn 5 chỗ)

Tiếp **Nan Kham Nhãn** (chuyển theo bên trái Giải Giới, Chân Ngôn thứ hai)

Tiếp **Bất Động, Nhập Phật Tam Muội Gia, Tường Giới, Không Vọng, Hòa Diệm Địa Kết**.v....(đều chuyển theo bên trái Giải Giới, nhưng **Địa Kết** thì nhỏ bỏ)

Tiếp **Kim Cương Chưởng** để ngang trái tim, khải bạch (các Như Lai hiện tiền.v.v...)

Tiếp **Phụng Tống Bạc Già Phạm** (Ngoại Phộc, ngọn Hỏa Luân (đầu ngón giữa) bung hoa trên đỉnh đầu, nên hòa âm rồi ném hoa trên Đàn)

Tiếp **3 Mật Hộ** (như trước)

Tiếp **Kim Cương Chướng** đề trên đỉnh đầu, tụng : **Quy mệnh 𑖀** (AM)

Tiếp **Hỏa Luân Ấn** an trên trái tim, tụng: **Quy mệnh 𑖁** (RAM)

Tiếp **Phật Đỉnh Ấn** ở trên trái tim , tụng **Quy mệnh 𑖂** (A)

Tiếp **Kim Cương Chướng** đề ngang trái tim , nói là:

**Chư Hữu nghe tiếng Ta**

**Hoặc thấy hoặc tiếp xúc**

**Tâm định A la hã** (Arhat: A La Hán)

**Tam miệu tam phật đà** (Samyaksambuddha: Chính Đẳng Chính Giác)

**Tất cả các Công Đức**

**Với Đại Nhật Thế Tôn**

**Ngang bằng không sai khác**

Tiếp trong Tim quán chữ 𑖃 (HŪM)

Chữ 𑖄 (MA) điếm Đại Không, là **Không Giải Thoát Môn**

Chữ 𑖅 (HA) xa lìa nơi Nhân Duyên, là **Vô Tướng Giải Thoát Môn**

𑖆 (U) **Ô Tự Tam Muội**, vẽ (? Hoạch:gặt hái được) là **Vô Nguyên Giải Thoát**

**Môn**

Y theo **Giải Thoát Quán** này hay trừ chướng khi tu hành, sau đó ra khỏi Đạo Trường, tùy thuận ở chỗ học

Khánh An , năm đầu dùng Bát Phan Cổ Bản ghi chép xong\_ Sa Môn **Huệ Phạm**

Một lần đối chiếu so sánh xong\_ **Tịnh Nghiêm** 39 tuổi

Thiên Minh Nguyên, năm sừu , nhuận tháng năm , ghi chép Tạng Bản của Vũ Trì Huệ Tâm Viện\_ **Từ Nhẫn**

Hưởng Hòa cải nguyên, mùa thu tháng tám, được bản đá khiến sao chép. Nhóm **Truyền Đăng** của viện Từ Tâm đối chiếu so sánh kiểm điểm chữ quốc ngữ. Ngoài ra lại kiểm tra hiệu chính rồi chạm khắc bản khiến cho Pháp truyền

Phong Sơn Trường Cốc Diệu Âm, cư trú tại viện Tổng Trì\_ Sa Môn **Khoái Đạo**  
ghi

22/06/2007